

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

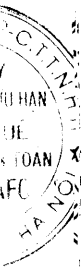


CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 467 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP.Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 467 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp trước đây là Doanh nghiệp Nhà nước, được Cổ phần hóa theo Quyết định số 195/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là một pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003800 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 14.738.440.000 VNĐ (Mười bốn tỷ bảy ba tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Công ty chưa điều chỉnh lại giấy phép đăng ký kinh doanh đối với việc tăng vốn lên 32 tỷ trong năm 2012.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Industrial Equipment Trade Joint Stock Company. Tên viết tắt: IETCO

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 467 Đường Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- Thực hiện các dịch vụ lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các mặt hàng vòng bi, palăng cầu trục, dụng cụ đo, thiết bị đo và các thiết bị công nghiệp khác;
- Cán kéo thép thông dụng và chuyên dụng, kim loại màu; gia công lắp ráp, sản xuất các loại vòng bi và sản phẩm cơ khí khác;
- Sản xuất các loại bu lông, ốc vít, các sản phẩm cơ khí, phụ tùng tiêu chuẩn cho các loại phương tiện vận tải và thiết bị công nghiệp;
- Mua bán, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng kim khí, kim loại màu, nguyên vật liệu, phụ tùng, dụng cụ đo và thiết bị đo các loại, hàng điện máy, điện lạnh, thiết bị công nghiệp và các loại vật tư phục vụ cho sản xuất của Công ty; (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên	Trụ sở
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thiết bị Công nghiệp	Số 29 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Nhà máy Quy chế II	Số 658 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 27 kèm theo

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 467 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP. Hà Nội

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Đến hết ngày 31/01/2013
Ông Đặng Văn Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bầu ngày 01/02/2013
Ông Vũ Việt Kha	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Thế Vinh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2013
Ông Đinh Quốc Hưng	Kế toán trưởng	Đến hết ngày 01/05/2013
Bà Nguyễn Thị Kim Duyên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02/05/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tình đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày ... trên Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 467 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP.Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT – BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

010234
CÔNG
RẠCH NH
TỰ VAI
TOÁN &
AVIN/
IEM -

Số: 27 /2014/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp, được lập ngày 10/03/2014 từ trang 07 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản công nợ phải thu phải trả chưa được đối chiếu xác nhận nợ tại thời điểm 31/12/2013. Bằng các thủ tục thay thế, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến của mình về số dư của các khoản công nợ này tại thời điểm 31/12/2013.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ong Thế Đức
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2013-146-1

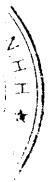
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Phạm Tuấn Vũ
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2013-146-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.416.966.002	85.866.617.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.261.165.112	700.004.437
1. Tiền	111		1.261.165.112	700.004.437
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		23.992.076.834	30.897.223.212
1. Phải thu của khách hàng	131		25.136.301.416	30.437.070.614
2. Trả trước cho người bán	132		5.784.276	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Các khoản phải thu khác	138	V.02	62.492.649	460.152.598
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1.212.501.507)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	43.630.848.959	53.184.171.860
1. Hàng tồn kho	141		44.030.848.959	53.184.171.860
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(400.000.000)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		532.875.097	1.085.217.850
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.000.000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.582.311	108.346.478
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		448.292.786	976.871.372
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.166.465.051	39.981.893.223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		35.166.465.051	39.981.893.223
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	29.863.785.990	34.346.007.900
- Nguyên giá	222		55.060.517.325	55.699.858.707
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(25.196.731.335)	(21.353.850.807)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	5.302.679.061	5.635.885.323
- Nguyên giá	228		7.212.850.637	7.212.850.637
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.910.171.576)	(1.576.965.314)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		104.583.431.053	125.848.510.582

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đ

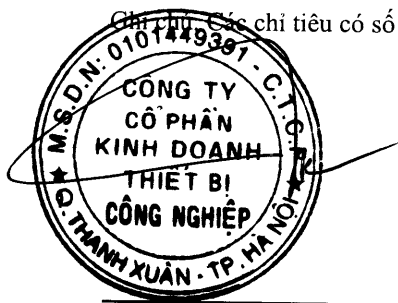
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		73.057.461.099	94.362.850.292
I. Nợ ngắn hạn	310		63.972.039.932	82.711.996.579
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.06	51.110.206.995	66.153.409.153
2. Phải trả người bán	312		8.895.700.203	9.384.517.336
3. Người mua trả tiền trước	313		1.065.847.868	3.146.413.181
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	1.029.343.613	2.179.765.732
5. Phải trả người lao động	315		188.936.156	
6. Chi phí phải trả	316	V.08	177.507.260	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.09	806.317.807	943.468.360
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		698.180.030	904.422.817
II. Nợ dài hạn	330		9.085.421.167	11.650.853.713
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn khác	333			
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	9.085.421.167	11.650.853.713
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
5. Doanh thu chưa thực hiện	338			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.525.969.954	31.485.660.290
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	31.525.969.954	31.485.660.290
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.631.156.000)	(1.631.156.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		798.908.734	798.908.734
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		288.210.001	288.210.001
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		70.007.219	29.697.555
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		104.583.431.053	125.848.510.582

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		82.867.113	82.867.113
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại (USD)	007		419,13	0,05
6. Dự toán chi hoạt động	008			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()



Nguyễn Thế Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Kim Duyên

Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền

Người lập biểu

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013**

Đơn vị tính: đ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	182.123.362.313	154.862.430.042
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.13	918.216.018	1.544.255.167
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.14	181.205.146.295	153.318.174.875
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.15	156.862.646.817	129.121.053.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.342.499.478	24.197.121.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	41.491.601	126.340.399
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	8.584.917.548	10.822.327.494
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.571.217.023	10.808.512.935
8. Chi phí bán hàng	24		5.000.151.926	4.177.812.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.204.124.702	9.810.012.714
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		594.796.903	(486.691.089)
11. Thu nhập khác	31	VI.18	123.717.815	597.642.258
12. Chi phí khác	32	VI.19	523.585.267	72.069.096
13. Lợi nhuận khác	40		(399.867.452)	525.573.162
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		194.929.451	38.882.073
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	154.619.787	9.720.518
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		40.309.664	29.161.555
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN trên cổ phiếu	70	V.11.5	12,60	13,24



Nguyễn Thế Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Kim Duyên

Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: đ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	202.545.864.810	164.569.973.056
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(160.816.929.707)	(148.094.721.147)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.058.634.223)	(6.930.456.537)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(8.472.239.023)	(10.808.512.935)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(9.720.518)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.432.238.391	1.652.596.701
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.106.338.878)	(4.504.314.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.514.240.852	(4.115.435.011)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(384.737.074)	(32.710.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.240.588	20.577.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(347.496.486)	(12.132.941)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15.535.404.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	108.370.741.314	90.423.075.985
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(125.979.376.018)	(102.849.614.381)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.608.634.704)	3.108.865.604
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	558.109.662	(1.018.702.348)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	700.004.437	1.718.706.785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.051.013	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.261.165.112	700.004.437



Nguyễn Thế Vinh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Kim Duyên
 Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp trước đây là Doanh nghiệp Nhà nước, được Cổ phần hóa theo Quyết định số 195/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là một pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003800 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 14.738.440.000 VND (Mười bốn tỷ bảy ba tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Công ty chưa điều chỉnh lại giấy phép đăng ký kinh doanh đối với việc tăng vốn lên 32 tỷ trong năm 2012.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Industrial Equipment Trade Joint Stock Company. Tên viết tắt: IETCO

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 467 Đường Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên	Trụ sở
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thiết bị Công nghiệp	Số 29 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Nhà máy Quy chế II	Số 658 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

- Thực hiện các dịch vụ lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các mặt hàng vòng bi, palăng cầu trục, dụng cụ đo, thiết bị đo và các thiết bị công nghiệp khác;
- Cán kéo thép thông dụng và chuyên dụng, kim loại màu; gia công lắp ráp, sản xuất các loại vòng bi và sản phẩm cơ khí khác;
- Sản xuất các loại bu lông, ốc vít, các sản phẩm cơ khí, phụ tùng tiêu chuẩn cho các loại phương tiện vận tải và thiết bị công nghiệp;
- Mua bán, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng kim khí, kim loại màu, nguyên vật liệu, phụ tùng, dụng cụ đo và thiết bị đo các loại, hàng điện máy, điện lạnh, thiết bị công nghiệp và các loại vật tư phục vụ cho sản xuất của Công ty; (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi có liên quan. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký - chứng từ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền***1.1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán doanh thu hoặc chi phí tài chính.

1.2. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được ghi nhận là khoản tương đương tiền.

2. Các khoản công nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Công ty đang thực hiện trích khấu hao nhanh cho một số máy móc thiết bị tại Nhà máy Quy chế II. Việc thực hiện khấu hao nhanh cho một số máy móc thiết bị làm cho chi phí tăng lên là 580.998.770 đồng, đồng thời lợi nhuận giảm đi một khoản tương ứng là 580.998.770 đồng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp

được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

9.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

